

Bản án số: **01** /2020/ HNGĐ-ST

Ngày 10 /01 /2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, ông Dương Minh Thiết

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh- Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/ 01 /2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số số 452/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019, về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2019, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Dương Thị H , sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C , xã H, huyện C, Bắc Giang

+ Bị đơn: Anh Đặng Văn H , sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C , xã H, huyện C, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Văn H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2002 tại UBND xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống và trong công việc làm ăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tháng 04/2019 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng do anh H nói cho anh H cơ hội nên chị đã rút đơn, sau khi rút đơn ly hôn tình cảm vợ chồng không cải thiện vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H .

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

1. Đặng Thu H , sinh ngày 21/09/2001.

2. Đặng Thị Yến Nh , sinh ngày 19/04/2008.

3. Đặng Thái S , sinh ngày 07/03/2010.

Con Đặng Thu H , sinh ngày 21/09/2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Hiện nay các con Nh và S đều có nguyện vọng ở với chị, các con chị vẫn đang học tại xã H, chị xin được nuôi 02 con theo nguyện vọng của con. Hiện nay chị đang kinh doanh tại nhà, thu nhập khoảng 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng trên tháng, chị đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay anh H lái xe đường dài có thời gian đi làm 05 tháng không về nhà, không quan tâm đến các con. Anh H không có đủ điều kiện nuôi con vì anh H không có nhà, công việc thường đi làm xa, nhà vợ chồng đang ở là đất bố mẹ chị cho riêng chị.

Về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị anh H cấp dưỡng mỗi con 1.000.000đồng / 1 con / tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đặng Văn H trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ anh không tôn trọng anh. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị H .

- Về con chung: Vợ chồng có 03con chung:

1. Đặng Thu H , sinh ngày 21/09/2001.

2. Đặng Thị Yến Nh , sinh ngày 19/04/2008.

3. Đặng Thái S sinh ngày 07/03/2010.

Con Đặng Thu H , sinh ngày 21/09/2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Hiện nay các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh vẫn xin nuôi 01 con là cháu Đặng Thái S , sinh ngày 07/03/2010. Hiện nay anh đang lái xe, thu nhập khoảng 12.000.000đồng trên tháng. Vợ chồng ly hôn anh sẽ về xã T ở cùng với bố mẹ anh, anh đủ điều kiện nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án các con của chị H và anh H là cháu Đặng Thị Yến Nh và cháu Đặng Thái S có ý kiến: Các cháu không có ý kiến về việc bố mẹ ly hôn, hiện nay các cháu đang học tại xã H, bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì bố các cháu thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc các cháu , bố các cháu hay uống rượu, các cháu rất sợ bố các cháu khi bố uống rượu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết xin được ly hôn với anh H và xin được nuôi 02 con. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp

luật. Chị không đồng ý để anh H nuôi cháu Sơn vì anh H thường xuyên đi làm xa, có khi 05 tháng mới về nhà và không quan tâm đến các con, anh H hay uống rượu, mỗi khi say rượu anh H lại đập phá đồ đạc. Hiện nay chị có nhà, có thu nhập các con đều đang học tập ổn định ở xã H, chị xin được nuôi các con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H, đồng ý ly hôn với chị H và anh xin nuôi con Đặng Thái S vì hiện nay xã hội có nhiều tệ nạn, nếu anh không nuôi cháu S thì sợ cháu sau này sẽ bị mắc các tệ nạn xã hội. Có thời gian anh đi làm xa, có khi 05 tháng mới về nhà, nếu được giao nuôi con anh sẽ về nhà ở cùng với bố mẹ anh tại xã T và làm việc gần nhà. Về cấp dưỡng nuôi con nếu Tòa án giao cho chị H nuôi con anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho 02 con là 3.000.000đồng / tháng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H :

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Đặng Văn H

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu cháu Đặng Thị Yến Nh, sinh ngày 19/04/2008; Đặng Thái S, sinh ngày 07/03/2010.

Về án phí: Chị H, anh H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Đơn khởi kiện chị Dương Thị H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Đặng Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2002 tại UBND xã T, huyện Lạng Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị H và anh H đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị H và anh H đều có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Đặng Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H có 03 con chung là Đặng Thu H, sinh ngày 21/09/2001 cháu đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Cháu Đặng Thị Yến Nh, sinh ngày 19/04/2008; Đặng Thái S, sinh ngày 07/03/2010 các con đều trên 07 tuổi, quá trình giải quyết vụ án các con đều có nguyện vọng ở với chị H, đối với yêu cầu nuôi 02 con chung của chị H và anh H có nguyện vọng được nuôi 01 thì thấy: Hiện nay cháu Đặng Thị Yến Nh, sinh ngày 19/04/2008; Đặng Thái S, sinh ngày 07/03/2010 đang học tại xã H, hiện nay chị H có nơi ở ổn định tại xã H, có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con, anh H làm nghề lái xe, thường xuyên đi làm xa, chỗ ở không ổn định, các con đều có nguyện vọng được ở với chị H và không muốn ở với anh H, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định “...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con” nên để đảm bảo cho cháu Nh và cháu S ổn định cuộc sống và việc học tập cần giao cho chị H nuôi con Đặng Thị Yến Nh, sinh ngày 19/04/2008; Đặng Thái S, sinh ngày 07/03/2010 là phù hợp.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng 1.000.000đồng/ 01 con/ tháng, tại phiên tòa hôm nay anh H tự nguyện cấp dưỡng 02 con là 3.000.000đồng / tháng, nên cần chấp nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H cho con là 1.500.000đồng / 01 con /tháng và cả 2 con là 3.000.000đồng/ 02 con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H , anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83,84, 107,110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Đặng Văn H .

[2]. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Đặng Thị Yến Nh , sinh ngày 19/04/2008; Đặng Thái S , sinh ngày 07/03/2010.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật..

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị H 02 con là 3.000.000đồng/ 02 con/ tháng, kể từ tháng 2 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

[3]. Án phí:Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002038 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4).[Chị H, anh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà